

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
ANOVA AGRI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 19 /2026/CBTT-NCG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2026

V/v: Giải trình điều chỉnh hồi tố
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Anova Agri
2. Mã chứng khoán: NCG
3. Địa chỉ trụ sở chính: 315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TP.HCM
4. Điện thoại: (028) 3846 6888 Fax: (028) 3848 1998

Căn cứ theo Khoản 5, Điều 11, Chương II của Thông tư 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Đầu tư Anova Agri xin được giải trình việc hồi tố số liệu tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025. Chi tiết điều chỉnh hồi tố như sau:

1. Thay đổi trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo (Sau khi phân loại theo Thông tư 43)	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
TÀI SẢN					
TÀI SẢN NGẮN HẠN					
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	751.987.871.916	(62.731.217.750)	689.256.654.166	[1]
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124	(510.757.839.070)	(6.867.202.224)	(517.625.041.294)	[3] + [2] + [7]
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	670.153.768.441	10.773.631.460	680.927.399.901	[2]
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	134.592.863.540	20.230.718.184	154.823.581.724	[2]
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn	136	(15.492.102.862)	(32.985.704.724)	(48.477.807.586)	[2] + [7]
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251	-	16.935.886.364	16.935.886.364	[2]+[5]
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	87.387.406.906	(41.012.389.819)	46.375.017.087	[2]
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	89.851.267.817	(34.876.812.334)	54.974.455.483	[3]
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	264	(2.658.295.841)	(34.592.500.000)	(37.250.795.841)	[4]
NỢ PHẢI TRẢ					
NỢ NGẮN HẠN					
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	27.681.760.092	(2.102.983.040)	25.578.777.052	[2]
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	84.911.322.384	10.773.631.460	95.684.953.844	[2]
Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	1.742.802.231	(1.742.802.231)	-	[5]
NỢ DÀI HẠN					
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	117.243.207.826	(84.589.155.081)	32.654.052.745	[6]
VỐN CHỦ SỞ HỮU					
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	401.801.771.790	(116.679.908.403)	285.121.863.387	[1]+[2]+[3]+[4]+[7]
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	420a	208.801.279.908	(61.897.218.141)	146.904.061.767	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	420b	193.000.491.882	(54.782.690.262)	138.217.801.620	
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	33.410.968.131	29.215.626.451	62.626.594.582	[8]

2. Thay đổi trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo (Sau khi phân loại theo Thông tư 43)	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
Doanh thu hoạt động tài chính	22	22.084.456.306	(15.332.100.447)	6.752.355.859	[1]
Chi phí tài chính	23	50.992.109.590	(26.234.470)	50.965.875.120	[3]+[4]
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	89.383.117.495	13.516.671.724	102.899.789.219	[2]+[7]
Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	27	9.628.518.879	3.523.473.461	13.151.992.340	[4]
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	168.030.255.217	(25.299.064.240)	142.731.190.977	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	124.774.963.667	(25.299.064.240)	99.475.899.427	

3. Thay đổi trên Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo (Sau khi phân loại theo Thông tư 43)	Số điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Ghi chú
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	168.030.255.217	(25.299.064.240)	142.731.190.977	
Điều chỉnh cho các khoản:					
Các khoản dự phòng	03	274.026.388	13.490.437.254	13.764.463.642	[1]+[3]+[7]
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(30.014.123.595)	11.808.626.986	(18.205.496.609)	[1]
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	210.220.663.677	25.299.064.240	235.519.727.917	

- [1] Điều chỉnh hoàn nhập ghi nhận lãi cho vay tương ứng với nợ gốc quá hạn được lập dự phòng
- [2] Phân loại lại để phù hợp với bản chất của khoản mục
- [3] Điều chỉnh dự phòng đầu tư tài chính dài hạn dựa theo kết quả kinh doanh của công ty nhận đầu tư
- [4] Điều chỉnh đầu tư vào liên doanh, liên kết theo tài sản thuần
- [5] Điều chỉnh ghi nhận theo tài sản thuần
- [6] Điều chỉnh thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các nghiệp vụ thoái vốn công ty con
- [7] Điều chỉnh liên quan đến dự phòng các khoản công nợ và đầu tư quá hạn
- [8] Điều chỉnh lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận giữ lại phù hợp với tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát.

Trên đây là toàn bộ ý kiến giải trình của Công ty về các thay đổi điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Bằng công văn này, chúng tôi kính giải trình lên Quý Ủy ban và Quý Sở việc thực hiện hồi tố số liệu Báo cáo tài chính năm 2025.

Trân trọng.

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
ANOVA
AGRI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, L=""
315 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam", O=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301447257, E=phi.nguyenxuan@anovaagri.com.vn
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.10.02 22:22:18+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ANOVA AGRI
Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Hiếu Liêm